

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 10 Và kế hoạch tháng 11 năm 2015

Tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản có một số thuận lợi cơ bản: Thời tiết, khí hậu không có sự đột biến bất thường, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi không phát sinh; nông dân thu hoạch dứt điểm lúa vụ Hè Thu với năng suất, sản lượng tăng so cùng kỳ. Tuy nhiên, cũng gặp không ít khó khăn như dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn, thiệt hại thủy sản còn xuất hiện rải rác, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác giảm; giá cả các loại vật tư đầu vào tiếp tục đứng ở mức cao; giá tôm sú, tôm thẻ giảm so với tháng trước. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của người dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện đạt yêu cầu. Kết quả cụ thể như sau:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

###### a) Nông nghiệp:

- Cây lúa: Thu hoạch 17.602 ha lúa Hè Thu, nâng tổng diện tích thu hoạch vụ này đến nay 77.783 ha, đạt 98,2% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,23 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,15 tấn/ha). Xuống giống 31.558 ha lúa thu Đông - mùa, nâng tổng diện tích vụ này đến nay xuống giống 79.674 ha, thấp hơn cùng kỳ 6.893 ha, chủ yếu đang ở giai đoạn đẻ nhánh. Xây dựng 02 mô hình quản lý bệnh bạc lá và bệnh đạo ôn, diện tích 0,8 ha trên địa bàn huyện Càng Long. Diện tích nhiễm sâu bệnh trong tháng 1.751 ha, giảm 590 ha so với tháng trước, chủ yếu là các bệnh đạo ôn lá 702 ha, tỷ lệ từ 5-10% tập trung nhiều trên giống IR 50504; lem lép hạt 531 ha tỷ lệ từ 10-20%, chuột gây hại 246 ha, tỷ lệ 1-3%, xuất hiện rải rác theo các tuyến kênh, bờ đê có nhiều bụi rậm, khu dân cư các huyện Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang; bệnh bạc lá 65 ha tỷ lệ 10-20%, cục bộ có 10 ha tỷ lệ 20-30% ở xã Huyền Hội huyện Càng Long. Ngoài ra, còn xuất hiện một số đối tượng như sâu cuốn lá, ốc bươu vàng, đóm vằn... nhưng với tỷ lệ thấp.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 2.654 ha, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 50.552 ha (vụ mùa 21.256 ha), đạt 79,2% kế hoạch cả năm, thấp hơn cùng kỳ 99 ha, cụ thể: Màu lương thực 7.645 ha, màu thực phẩm 28.062 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 14.815 ha. Thực hiện 02 mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía tại xã Lưu

Nghiệp Anh và xã Kim Sơn huyện Trà Cú, diện tích 44,65 ha (68 hộ), hiện mía đang trong giai đoạn 5,5 - 6 tháng tuổi.

- Xây dựng 03 mô hình phòng trừ chồi rồng hại nhãn tại huyện Tiểu Cần và Cầu Kè, diện tích 07 ha. Đến nay, nhãn đã ra hoa và đang cho trái, tỉ lệ nhiễm bệnh còn từ 5-20%. Đơn vị chuyên môn tiếp tục hướng dẫn nông dân bón phân nuôi trái, phun thuốc phòng trị nhện và cắt tỉa chồi bị bệnh; kiểm tra mô hình quản lý bệnh đốm nâu trên cây thanh long, diện tích 0,1 ha tại xã Bình Phú, huyện Càng Long.

- Kết hợp Hội làm vườn, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Càng Long, Công ty TNHH sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu Thuận Phong làm việc với UBND và nông dân xã Nhị Long và Nhị Long Phú về dự án trồng 100 ha xoài cát chu.

- Hoạt động bệnh xá cây trồng: Tổ chức 02 chuyên khám bệnh lưu động tại xã Thạnh Phú huyện Cầu Kè, khám và hướng dẫn nông dân phòng trị một số bệnh phổ biến trên cây có múi, lúa... với 52 nông dân mang mẫu bệnh phẩm đến khám. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay tổ chức khám lưu động 04 chuyên và tư vấn trực tiếp qua điện thoại với hơn 200 lượt hộ được tư vấn.

- Công tác sản xuất, cung ứng giống: Tổ chức liên kết, sản xuất và nhân giống lúa, diện tích 11,7 ha; nhân giống bưởi da xanh xen dứa, diện tích 5,3 ha; cung ứng trên 01 tấn lúa giống và 654 cây giống các loại. Nâng tổng số đến nay tổ chức liên kết, sản xuất và nhân giống lúa, diện tích 80,5 ha; nhân giống bưởi da xanh xen dứa, diện tích 06 ha phát triển tốt, thực hiện 02 mô hình nhân giống gà, số lượng 420 con, hiện đang trong giai đoạn sinh sản. Cung ứng 166,7 tấn lúa giống và 7.291 cây giống các loại.

- Triển khai chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Trình UBND tỉnh Kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn đến năm 2020; hướng dẫn Công ty Lương thực Trà Vinh thực hiện quy trình xin chủ trương và lập phương án xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lúa trên địa bàn 3 huyện Càng Long, Tiểu Cần và Cầu Kè.

#### b) Chăn nuôi:

- Có 02 doanh nghiệp xin chủ trương đầu tư chăn nuôi 1.000 con bò sinh sản trên địa bàn huyện Trà Cú và 01 hợp tác xã xin chủ trương giao đất đầu tư dự án trang trại nuôi heo diện tích 27,5 ha trên địa bàn xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang. Lũy kế đến nay có 07 doanh nghiệp và 01 hợp tác xã xin chủ trương đầu tư chăn nuôi bò, heo (đã nhập về tỉnh 296 con bò giống).

- Các loại dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi tiếp tục được kiểm soát, chỉ xuất hiện một số loại bệnh thông thường với qui mô nhỏ, mức độ thiệt hại không đáng kể.

- Thực hiện tiêm phòng cúm cho 388 ngàn con gia cầm, tiêm phòng các bệnh thường xuyên cho 78 ngàn con gia súc; kiểm dịch 205 ngàn con gia cầm, 54 ngàn con gia súc, 42 tấn thịt gia súc và 1,1 triệu quả trứng. Nâng tổng số đến nay tiêm phòng cúm cho 3,77 triệu cho gia cầm (gà 1,5 triệu con, đạt 54% so tổng

đàn điều tra; vịt 2,25 triệu con, vượt 27% so tổng đàn điều tra), LMLM gia súc 70.812 (trong đó: heo 8.935 con, đạt 2,8%; bò 60.253 con, đạt 38%), tiêm phòng các bệnh thường xuyên cho 864 ngàn con gia súc (dịch tả 297 ngàn con, đạt 95%; tụ huyết trùng 281 ngàn con, đạt 89%; phó thương hàn 284 ngàn con, đạt 90%), đại chó 5.097 con, đạt 85% KH; các loại vaccine khác 1,2 triệu con; kiểm dịch 2,3 triệu con gia cầm, 107 ngàn con gia súc, 441 tấn thịt gia súc và 17,5 triệu quả trứng gia cầm các loại.

- Toàn tỉnh có 12 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung hoạt động ổn định, công suất giết mổ gia súc đạt 45,36% và gia cầm đạt 73,12%. Ngành nông nghiệp tiếp tục kết hợp xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ: Hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ trình UBND tỉnh báo cáo Trung ương ghi vốn thực hiện trong năm 2016. Tổng hợp xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ năm 2016 gửi Sở Tài chính thẩm tra kinh phí cơ sở hoàn chỉnh trình UBND tỉnh

c) Lâm nghiệp: Hoàn thành công tác trồng 48,7 ha rừng thuộc Dự án ứng phó biến đổi khí hậu, nâng tổng diện tích rừng tập trung trồng mới đến nay 272 ha (doanh nghiệp tư nhân trồng 226 ha); trình phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020. Tổ chức 123 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 02 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định. Nâng tổng số đến nay tổ chức 694 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 11 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định.

d) Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi trong tháng 1.046 ha, thu hoạch 12.204 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 42.039 ha, đạt 91,6% kế hoạch; thu hoạch 76.616 tấn, đạt 62,8% kế hoạch cả năm, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 9,5 triệu con tôm sú giống (32 ha), 1,5 triệu con tôm chân trắng (64 ha), 25 triệu con cua biển (50,3 ha); thu hoạch 9.109 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 2,18 tỷ con tôm sú giống (20.429 ha), 2,5 tỷ con tôm chân trắng (4.633 ha), 121 triệu con cua biển (12.642 ha), 394 tấn nghêu giống (654 ha). Thu hoạch 40.258 tấn, thấp hơn cùng kỳ 2.296 tấn, trong đó, tôm sú 12.479 tấn, tôm chân trắng 19.687 tấn, cua biển 6.991 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Do thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và một số bệnh như phân trắng, đường ruột làm thiệt hại 486 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,2%), diện tích 4.567 ha (chiếm 22,3%); 607 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 24%), diện tích 1.129 ha (chiếm 24,3%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 19 triệu con giống, diện tích 271 ha; thu hoạch 3.095 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 239 triệu con giống các loại, diện tích 3.680 ha; thu hoạch 36.358 tấn (thấp hơn cùng kỳ 12.040 tấn), gồm cá lóc 20.590 tấn, cá tra 4.204 tấn, tôm càng xanh 343 tấn, còn lại là các loại khác.

- Khai thác: Toàn tỉnh có 1.191 tàu khai thác được đăng ký, tổng công suất 84.577 CV (197 tàu có công suất từ 90 CV trở lên). Sản lượng khai thác trong

tháng 4.826 tấn (669 tấn tôm). Lũy kế đến nay 60.628 tấn (10.059 tấn tôm), đạt 73% kế hoạch, giảm 6.407 tấn so cùng kỳ, gồm:

+ Khai thác nội đồng: 851 tấn (307 tấn tôm). Lũy kế đến nay 9.006 tấn (3.251 tấn tôm), đạt 62,11% kế hoạch, giảm 3.331 tấn so cùng kỳ.

+ Khai thác hải sản: 3.975 tấn (362 tấn tôm). Lũy kế đến nay 51.622 tấn (6.808 tấn tôm), đạt 75,3% kế hoạch, giảm 3.076 tấn so cùng kỳ.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.512 tấn (447 tấn tôm), chế biến 1.356 tấn, tiêu thụ 592 tấn, kim ngạch xuất khẩu 1,7 triệu USD. Nâng tổng số đến nay thu mua 11.892 tấn thủy sản (5.480 tấn tôm), chế biến 7.283 tấn, tiêu thụ 5.091 tấn, kim ngạch xuất khẩu 24,7 triệu USD.

- Kiểm dịch 2,24 tỷ con tôm giống, cấp 873 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 106 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 17 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 85 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 99 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 40 mẫu nước, 145 mẫu giáp xác phục vụ nuôi thủy sản.

- Công tác giống: Tiếp tục thực hiện 03 mô hình, gồm sản xuất giống lươn đồng bằng phương pháp bán nhân tạo, nuôi sinh sản và ương giống cá sặc rằn, sản xuất giống cá rô phi đã qua chọn lọc bằng phương pháp xử lý đơn tính. Sản xuất, điều tiết và cung ứng con giống (1,22 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 1,11 triệu con cá lóc giống, 14 triệu con post tôm sú, 10,2 triệu con tôm thẻ chân trắng, 01 triệu con cua biển giống).

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: Xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt 194 trường hợp xin hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên.

- Tham mưu trình UBND tỉnh: Ban hành Chỉ thị về việc tăng cường quản lý nuôi tôm nước lợ các tháng cuối năm; thông báo lịch thời vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản trên địa bàn tỉnh mùa vụ 2015-2016.

#### e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Kết hợp tổ chức 584 cuộc tuyên truyền, vận động 18.121 lượt người dự; kết hợp Đài Phát thanh – Truyền hình thực hiện 02 phóng sự về xây dựng nông thôn mới. Nâng tổng đến nay đã tổ chức 3.220 cuộc tuyên truyền lồng ghép về các tiêu chuẩn áp, hộ nông thôn mới, kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, vận động tham gia bảo hiểm y tế, vệ sinh môi trường,... cho 99.460 lượt người là hộ dân và đoàn thể; Kết hợp Đài Phát thanh – Truyền hình thực hiện 18 phóng sự về xây dựng nông thôn mới.

+ Kết quả thực hiện nguồn vốn: Huy động 512,82 tỷ đồng, trong đó, vốn hỗ trợ trực tiếp là 89,9 tỷ đồng (ngân sách trung ương 72,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 17 tỷ đồng); vốn lồng ghép 390,25 tỷ đồng; vốn dân đóng góp 32,67 tỷ đồng. Thực hiện đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất cho 17 xã điểm; xây dựng 43,32 km đường giao thông nông thôn, đầu tư xây dựng các công trình nhà văn hóa xã, sân bóng đá, nâng cấp trạm y tế xã... Kết quả giải ngân vốn hỗ trợ trực tiếp cho chương trình là 46,45 tỷ đồng, đạt 51,6%.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới: Có 18 xã đạt 19 tiêu chí; 08 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 32 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 27 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí. Bình quân mỗi xã đạt 12,4 tiêu chí.

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện 03 dự án, gồm: Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông thị trấn Tiểu Cần; Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng xã Long Hòa.

+ Công tác di dời dân: Phối hợp UBND xã Đại Phước điều tra, khảo sát 11 hộ dân bị ảnh hưởng do sạt lở, hướng dẫn viết đơn tự nguyện di dời bổ sung vào vùng dự án.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Triển khai thực hiện 12 dự án, gồm 08 dự án đầu tư xây dựng cơ bản (hoàn thành 04 dự án; đang thực hiện 03 dự án, khối lượng thực hiện đạt từ 70-95%, 01 dự án được duyệt báo cáo thiết kế kỹ thuật) và 04 dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp. Lắp đặt cho 460 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nâng tổng số từ đầu chương trình đến nay lắp đặt cho 77.939 hộ sử dụng nước máy; giải ngân nguồn vốn đầu tư 20,2 tỷ đồng, đạt 99,9% kế hoạch và 772 triệu đồng thuộc nguồn vốn sự nghiệp, đạt 19,3% kế hoạch vốn phân bổ.

- Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề: Tham mưu xây dựng “Đề án xây dựng và phát triển mỗi xã một sản phẩm”. Tổ chức khai giảng 15 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho 375 lao động nông thôn. Lũy kế đến nay tổ được 43 lớp cho 1.075 lao động nông thôn, với các nghề như kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, tạo dáng cây cảnh...

## **2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành**

a) Công tác quy hoạch:

- Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt: Dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2011-2020.

- Quy hoạch lập mới: Chuẩn bị tổ chức lấy ý kiến Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; xin ý kiến đóng góp của Bộ chuyên ngành trước khi thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Xây dựng, tổng hợp ý kiến đóng góp của các Sở, ngành tỉnh, địa phương và gửi thẩm định Nghị quyết phê duyệt chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới và Nghị quyết phê duyệt định mức hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất, dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, còn có nhiều ý kiến khác nhau nên 02 Nghị quyết này không xây dựng tiếp

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp địa phương thực hiện 37 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 39.810 m, khối lượng đất đào đắp 158.942 m<sup>3</sup>. Lũy kế đến nay thực hiện 487 công trình, chiều dài 384.146 m, khối lượng 1,31 triệu m<sup>3</sup>, đạt 94,8% kế hoạch.

- Hoàn thành, bàn giao bản đồ bố trí công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới các xã: Kim Hòa, Hòa Minh, Ninh Thới, Châu Điền.

- Tổ chức 20 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 04 trường hợp vi phạm. Lũy kế đến nay thực hiện 157 đợt khảo sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý 36 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê và buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt: Kế hoạch đấu thầu công trình sửa chữa các cầu trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên; báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2016.

- Tiếp tục triển khai, theo dõi công tác thu, nộp quỹ phòng chống thiên tai năm 2015 trên địa bàn tỉnh.

#### d) Công tác xây dựng cơ bản:

Triển khai thực hiện 19 dự án, trong đó hoàn thành 01 dự án, 12 dự án chuyên tiếp, 04 dự án khởi công mới, 02 dự án chuẩn bị đầu tư, cụ thể: 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 05 công trình đê, kè; 01 công trình phục vụ trồng màu; 02 công trình dân dụng, 02 công trình chống xoái lở trồng cây ngăn bảo vệ đê (cuối tháng 9/2015 được bổ sung nguồn vốn trung ương thực hiện 02 dự án thuộc Chương trình biến đổi khí hậu); giải ngân 21,13 tỷ đồng, lũy kế đến nay giải ngân 220 tỷ đồng đạt 55,85% kế hoạch vốn phân bổ trong năm 2015.

#### e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Tổ hợp tác (THT): Phối hợp tổ chức 04 lớp tập huấn củng cố tổ hợp tác. Nâng tổng số đến nay tổ chức 39 lớp (17 lớp củng cố), đạt 85% kế hoạch.

- Hợp tác xã (HTX): Tổ chức 02 lớp củng cố HTX. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 10 lớp (05 lớp thành lập mới), đạt 75% kế hoạch.

#### f) Công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), quản lý tàu cá và thanh tra, kiểm tra:

- Quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm: Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) đối với 38 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản và tàu cá, cấp 18 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; đánh giá phân loại 111 tàu cá, cơ sở giết mổ động vật, sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thủy sản, cơ sở sản xuất nông sản và muối; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 112 mẫu thủy sản. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP 80 tàu cá, 303 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; cấp 110 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; đánh giá phân loại 90 tàu cá và 632 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, thủy sản, kết quả xếp loại có 252 loại A, 260 loại B, 146 loại C, 64 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 566 mẫu (100 mẫu nông sản, 466 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 65 tàu (01 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 18 tàu, xóa bộ 04 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 15 trường hợp, cấp 27 sổ danh bạ (121 thuyền viên), cấp 57 giấy phép khai thác thủy sản, 04 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 544 tàu (19 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 108 tàu, xóa bộ 41 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 79 trường hợp, cấp 220 sổ danh bạ (942 thuyền viên), cấp 443 giấy phép khai thác thủy sản, 179 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường EU.

+ Tổ chức thu phí 590 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.032 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 56 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay tổ chức thu phí 11.722 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 12.321 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 656 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 18 lớp tuyên truyền, phổ biến các qui định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chính sách về xây dựng và phát triển tổ hợp tác trên biển, phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho 893 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 210 lớp tuyên truyền, phổ biến các qui định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản, quy phạm thực hành nuôi thủy sản tốt (VietGAP), một số chính sách phát triển thủy sản, chính sách xây dựng và phát triển tổ hợp tác trên biển cho 6.778 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực thú y thủy sản và giống thủy sản, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý tàu cá đối với 24 cơ sở, 89 tàu cá; thu, phân tích 28 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; xử lý 23 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay thanh tra, kiểm tra 136 cơ sở sản xuất, ương dưỡng cây giống, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, giống thủy sản, vật tư nông nghiệp...; 272 phương tiện vận chuyển giống thủy sản và 324 tàu cá việc chấp hành các quy định của pháp luật; thu 132 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, giống lúa, nguyên liệu thủy sản để kiểm tra chất lượng; xử lý 77 trường hợp vi phạm.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ và khuyến nông:

- Thực hiện khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 04 bộ giống lúa (bộ triển vọng, A<sub>0</sub>, A<sub>1</sub>, Trà Vinh) với diện tích 0,4 ha để chọn giống có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt để khuyến cáo nhân rộng.

- Thực hiện khảo nghiệm 03 bộ giống lúa (A<sub>0</sub>, A<sub>1</sub> và Trà Vinh), diện tích 0,2 ha trong vụ Hè Thu, kết quả chọn 06 giống có năng suất cao, chống chịu tốt với sâu bệnh. Tổ chức khảo nghiệm bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh, với diện tích 0,2 ha trong vụ Thu Đông, hiện lúa đang giai đoạn đẻ nhánh, phát triển tốt; khảo nghiệm bưởi da xanh trồng xen dứa, diện tích 0,7 ha, đang phát triển tốt.

- Tổ chức 25 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất lúa giống theo phương pháp cấy mạ, kỹ thuật gà sử dụng đệm lót sinh học, chăn nuôi dê, chăn nuôi heo sinh sản, kỹ thuật nuôi lươn thương phẩm cho 730 lượt người; phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 802 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 291 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản và tuyên truyền xây dựng công trình khí sinh học cho 8.450 lượt người (trồng trọt 2.324 người, chăn nuôi 2.334 người, thủy sản 3.248 người, khí sinh học 544 người); phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 10.481 lượt hộ (trồng trọt 2.921 lượt hộ; chăn nuôi 1.258 lượt hộ; thủy sản 6.302 lượt hộ).

- Xây dựng 23 công trình khí sinh học. Nâng tổng số đến nay xây dựng được 207 công trình, góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tạo ra chất đốt phục vụ sinh hoạt gia đình.

- Thực hiện các mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản như: Trồng thanh long ruột tím hồng; trồng lan cắt cành; nuôi kết hợp tôm sú – cá rô phi; nuôi ếch thương phẩm trong vèo kết hợp nuôi cá hỗn hợp; nuôi hào treo giàn bè trên sông; cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo; chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học có bổ sung men vi sinh hoạt tính trong thức ăn; chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

### **1. Tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Thiệt hại trong nuôi tôm vẫn xảy ra rải rác do bệnh gan tụy, phân trắng và một phần do môi trường (công trình ao nuôi chưa đạt yêu cầu kỹ thuật), dẫn đến sản lượng thủy sản nuôi giảm so với cùng kỳ;

- Số lượng tàu khai thác giảm dẫn đến sản lượng khai thác thủy, hải sản đạt thấp so với cùng kỳ;

- Tỷ lệ tiêm phòng cúm gia cầm thấp so với những tháng trước;

- Nhiều doanh nghiệp xin chủ trương đầu tư chăn nuôi, tuy nhiên nhập con giống về tỉnh còn chậm;

- Việc triển khai thực hiện Quyết định 62 về liên kết xây dựng cánh đồng lớn còn chậm so với kế hoạch;

- Dự án Luồng tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu làm tràn nước mặn vào khu vực sản xuất gây thiệt hại cho nông dân;

- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và thức ăn chăn nuôi còn nhiều; đồng thời, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm đặc biệt là các sản phẩm thủy sản khô chưa được khắc phục.

### **2. Nguyên nhân:**

- Một số nông dân chưa tuân thủ quy trình cải tạo ao nuôi, chưa có ao lắng, lọc để xử lý nước mà cung cấp nước trực tiếp hoặc xả ngay ra môi trường tự nhiên dẫn đến thiệt hại;



- Giá nguyên vật liệu phục vụ khai thác thủy, hải sản đứng ở mức cao, sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi;

- Một số địa phương chưa quyết liệt trong công tác phòng chống dịch bệnh, nên khả năng xảy ra dịch bệnh là rất lớn, đặc biệt là thời điểm giao mùa; việc chuyển từ tiêm phòng cúm gia cầm miễn phí sang có thu phí chưa được người chăn nuôi hưởng ứng;

- Việc tuyên truyền, quản lý chất lượng tư tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

### **III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 11**

#### **1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn**

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân chăm sóc, thu hoạch diện tích lúa Thu Đông – mùa, đồng thời chuẩn bị tốt các điều kiện (vệ sinh đồng ruộng, thời gian cách ly giữa 2 vụ...) cho sản xuất vụ Đông Xuân 2015-2016, tuyệt đối không kéo dài; liên kết các doanh nghiệp xây dựng phương án tổ chức triển khai thực hiện cánh đồng lớn theo kế hoạch.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Kết hợp địa phương kết thúc gieo trồng màu năm 2015. Triển khai kế hoạch trồng màu năm 2016, trong đó quan tâm chỉ đạo trồng màu vụ Đông Xuân, thống kê diện tích màu phục vụ Tết nguyên đán 2016. Tiếp tục theo dõi mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía.

- Chăn nuôi: Tập trung công tác phòng, chống dịch bệnh đàn vật nuôi trong thời điểm giao mùa. Vận động hộ chăn nuôi chủ động thực hiện tiêm phòng các loại vaccine như: Cúm gia cầm, LMLM gia súc, tai xanh heo và các bệnh thường xuyên khác. Tuyên truyền, quản lý tình hình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý và bắt chó chạy rong. Thực hiện phun xịt tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm đợt 2 năm 2015. Theo dõi tình hình triển khai dự án chăn nuôi tập trung theo các Giấy chứng nhận đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Lâm nghiệp: Tiếp tục theo dõi và triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2015; triển khai thực hiện tĩa thừa rừng giống tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải; nghiệm thu công tác trồng cây lâm nghiệp phân tán; tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

c) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản như tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2015, kết hợp địa phương hướng dẫn nông dân cải tạo ao đầm chuẩn bị tốt cho niên vụ năm 2016; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy

sản; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi trong mùa mưa bão.

d) Phát triển nông thôn:

- Công tác xây dựng nông thôn mới: Triển khai kế hoạch kiểm tra 07 xã phân đầu cuối năm công nhận xã nông thôn mới; phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn các huyện Châu Thành, Duyên Hải, Cầu Ngang. Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện giải ngân các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình. Hoàn chỉnh tài liệu tuyên truyền, in ấn cấp phát cho địa phương; tiếp tục triển khai tập huấn công tác xây dựng nông thôn mới cho BCĐ các xã; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục xây dựng nông thôn mới; chuẩn bị nội dung tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và tổng kết 5 năm phong trào thi đua *"Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"*.

- Các Dự án di dân: Tiếp tục triển khai thực hiện 03 dự án gồm di khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; Kè chống sạt lở bờ sông Càn Chông thị trấn Tiểu Càn; Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa. Phối hợp UBND xã Trường Long Hòa tổ chức họp các hộ dân bóc thăm, phân lô nền đất ở, triển khai kế hoạch xây nhà và cấp tiền hỗ trợ di dời cho 85 hộ dân. Phối hợp UBND xã Đại Phước thẩm định, xét duyệt bổ sung các hộ dân vào dự án đã hoàn thành.

## 2. Công tác chuyên ngành:

- Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Trình UBND tỉnh quyết định ban hành Quy định về việc phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân 2015-2016 và đầu vụ Hè Thu 2016; hoàn chỉnh và lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ngành tỉnh và địa phương có liên quan dự thảo kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản năm 2016.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch vốn năm 2015. Đồng thời, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm hoàn thành các công trình, bàn giao đưa vào sử dụng; tập trung giải ngân hết các nguồn vốn được phân bổ.

- Tiếp tục tổ chức 20 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức 04 lớp đào tạo TOT bồi dưỡng phương pháp khuyến nông; tổ chức luyện tập và đưa nông dân tham gia Hội thi "Kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến" tại Hậu Giang. Tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn, tư vấn trực tiếp cho nông dân; theo dõi các mô hình đang thực hiện, tổ chức đánh giá, nhân rộng.

- Tổ chức tuyên truyền, các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho cán bộ quản lý Nhà nước, các hộ sản xuất và người tiêu dùng; tổ chức thu mẫu kiểm soát VSATTP nông, thủy sản và kiểm soát dư lượng chất độc hại trong thủy sản nuôi; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư 45/TT-BNNPTNT.

- Tiếp tục sản xuất, cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản nước ngọt và chuẩn bị các điều kiện sản xuất giống tôm sú phục vụ cho năm 2016; tập trung chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì hoạt động 165 trạm cấp nước, phân đầu lắp đặt thêm cho 460 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 của ngành và xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2016.

### 3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện././

#### Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Ngọc Hải*

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN  
THÁNG 10 NĂM 2015**



Mã số	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện Tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2015	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	217.416	229.807	34.212	209.420	96,32%	91,13%
<b>1.1.</b>	<b>Cây lương thực có hạt</b>							
	Cây lúa	Ha	171.520	173.150	31.867	163.843	95,52%	94,62%
	Cây lúa	Ha	166.795	166.000	31.558	158.898	95,27%	95,72%
	<b>Vụ Hè Thu</b>							
	- DT gieo sạ	ha	80.228	77.000		79.224	98,75%	102,89%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	80.102	77.000	17.602	77.783	97,11%	101,02%
	- Năng suất	Tạ/ha	50,81	53,50	48,45	52,31	102,95%	97,77%
	- Sản lượng	tấn	407.007	411.950	85.287	406.866	99,97%	98,77%
	<b>Vụ Thu Đông-mùa 2014-2015</b>							
	- DT gieo sạ	ha	86.567	89.000	31.558	79.674	92,04%	89,52%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	7.710	89.000	1.895	1.895	24,58%	2,13%
	- Năng suất	Tạ/ha	51,8	54,20	54,26	54,26	104,76%	100,12%
	- Sản lượng	tấn	39.941	482.380	10.283	10.283	25,75%	2,13%
	<b>Cây màu</b>							
	Diện tích gieo trồng	Ha	50.621	63.807	2.654	50.522	99,80%	79,18%
	Diện tích thu hoạch	Ha	39.797	63.807	2.771	41.044	103,13%	64,33%
	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4.725	7.150	309	4.945	104,65%	69,16%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.703	7.150	174	3.807	102,81%	53,24%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,80	54,50	55,7	56,75	103,56%	104,13%
	- Sản lượng	Tấn	20.292	38.968	970	21.605	106,47%	55,44%
<b>1.2.</b>	<b>Cây có củ</b>							
	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.237	1.516	71	1.232	99,56%	81,24%
	+ Diện tích thu hoạch	"	835	1.516	94	899	107,64%	59,29%
	+ Năng suất	Tạ/ha	164,43	165,49	175,7	176,39	107,27%	106,58%
	+ Sản lượng	Tấn	13.730	25.089	1.648	15.854	115,47%	63,19%
	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	994	1.071	84	974	97,96%	90,94%
	+ Diện tích thu hoạch	"	548	1.071	64	602	109,94%	56,25%
	+ Năng suất	Tạ/ha	159	143,19	159,5	162,9	102,26%	113,76%
	+ Sản lượng	Tấn	8.730	15.336	1.021	9.814	112,42%	63,99%
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	534	800	26	495	92,62%	61,88%
	+ Diện tích thu hoạch	"	345	800	68	373	108,12%	46,63%
<b>1.3.</b>	<b>Cây thực phẩm</b>							
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	27.167	35.430	1.745	27.274	100,39%	76,98%
	+ Diện tích thu hoạch	"	20.689	35.430	1.957	21.825	105,49%	61,60%
	+ Năng suất	Tạ/ha	215,1	223,00	223,4	223,1	103,73%	100,04%
	+ Sản lượng	Tấn	444.917	790.089	43.717	486.862	109,43%	61,62%
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	648	800	17	788	121,62%	98,47%
	+ Diện tích thu hoạch	"	512	800	16	699	136,54%	87,39%
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,2	16,50	16,7	16,8	97,67%	101,82%
	+ Sản lượng	Tấn	881	1.320	26	1.174	133,37%	88,98%
<b>1.4</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>							
			15.315	17.040	403	14.815	96,74%	86,94%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện Tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	<b>Đậu phộng</b>	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.214	5.640	61	4.336	102,91%	76,88%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.849	5.640	41	3.913	101,65%	69,37%
	+ Năng suất	Tạ/ha	50,6	53,75	53,2	53,2	105,13%	99,05%
	+ Sản lượng	Tấn	19.491	30.315	218	20.831	106,87%	68,71%
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	6.517	6.300	-	5.941	91,16%	94,30%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.942	6.300	48	5.522	92,94%	87,66%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.078	1.120	1.093	1.093	101,39%	97,59%
	+ Sản lượng	Tấn	640.548	705.600	5.246	603.595	94,23%	85,54%
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.448	2.800	181	2.275	92,94%	81,25%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.713	2.800	25	1.523	88,91%	54,39%
	+ Năng suất	Tạ/ha	99,5	98,00	108,62	108,5	109,05%	110,71%
	+ Sản lượng	Tấn	17.044	27.440	272	16.525	96,95%	60,22%
	<b>Cây trồng khác</b>	"						
	DT gieo trồng	ha	2.137	2.300	161	2.263	105,92%	98,39%
	DT thu hoạch	ha	1.661	2.300	284	1.881	113,25%	81,78%
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>							
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>							
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>1.</b>	<b>Lâm sinh</b>							
<b>1.1.</b>	DT rừng trồng tập trung	Ha	120	130		272	226,67%	209,23%
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"	120	130		272	226,67%	209,23%
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
<b>1.2.</b>	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	385	314		274	71,17%	87,26%
<b>1.3.</b>	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha	45	25		25	55,56%	100,00%
<b>1.4.</b>	DT giao khoán bảo vệ	Ha	4.119	4.793		4.943	120,01%	103,13%
<b>1.5.</b>	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	127	670		91	71,65%	13,58%
<b>2.</b>	<b>Khai thác</b>							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m <sup>3</sup>						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
<b>C</b>	<b>DIÊM NGHIỆP</b>							
<b>D</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>44.901</b>	<b>45.900</b>	<b>1.046</b>	<b>42.039</b>	<b>93,63%</b>	<b>91,59%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>3.976</b>	<b>5.000</b>	<b>271</b>	<b>3.680</b>	<b>92,56%</b>	<b>73,59%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	2.747,96	3.500	239	2.418,52	88,01%	69,10%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	14,15	40	0,3	10,35	73,14%	25,88%
	+ Cá lóc	"	245,52	290	11	216,32	88,11%	74,59%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.188	1.500	32	1.261	106,16%	84,07%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.188	1.500	32	1.261	106,16%	84,07%
	- Diện tích nuôi khác	"	39,7		0	0	0,00%	
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>40.925</b>	<b>40.900</b>	<b>775</b>	<b>38.360</b>	<b>93,73%</b>	<b>93,79%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	40.173	38.700,0	146,3	37.706	93,86%	97,43%
	Trong đó: + Tôm sú	"	19.413	19.900	32	20.429	105,24%	102,66%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện Tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.151	5.000	50	4.634	89,96%	92,67%
	+ Cua biển	"	15.610	13.800	64	12.643	80,99%	91,61%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	752	2.200	629	654	86,97%	29,73%
<b>2.</b>	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
<b>3.</b>	<b>Sản lượng con giống SX</b>	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>157.987</b>	<b>204.925</b>	<b>17.031</b>	<b>137.244</b>	<b>86,87%</b>	<b>66,97%</b>
<b>4.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>90.952</b>	<b>121.925</b>	<b>12.204</b>	<b>76.616</b>	<b>84,24%</b>	<b>62,84%</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>48.398</b>	<b>65.500</b>	<b>3.095</b>	<b>36.358</b>	<b>75,12%</b>	<b>55,51%</b>
	- Sản lượng cá	"	47.849	65.000	3.065	35.902	75,03%	55,23%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	6.861	15.500	-	4.204	61,27%	27,12%
	+ Cá lóc	"	24.362	29.500	1.457	20.590		69,80%
	- Sản lượng giáp xác	"	343	500	7	343	100,21%	68,64%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	343	500	7	343	100,21%	68,64%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	207		23	112	54,20%	
<b>4.1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>42.554,2</b>	<b>56.425</b>	<b>9.109</b>	<b>40.258</b>	<b>94,60%</b>	<b>71,35%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	41.636	50.425	9.019	39.157	94,05%	77,65%
	Trong đó: + Tôm sú	"	12.151	14.925	2.021	12.479	102,70%	83,61%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	22.178	25.500	5.643	19.687	88,77%	77,20%
	+ Nuôi cua biển	"	7.307	10.000	1.355	6.991	95,68%	69,91%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	918	6.000	90	1.101	119,91%	18,35%
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>67.035</b>	<b>83.000</b>	<b>4.826</b>	<b>60.628</b>	<b>90,44%</b>	<b>73,05%</b>
<b>4.2.1.</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>54.698</b>	<b>68.500</b>	<b>3.975</b>	<b>51.622</b>	<b>94,37%</b>	<b>75,36%</b>
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	22.929	27.000	1.622	21.585	94,14%	79,95%
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	9.030	8.500	362	6.808	75,40%	80,10%
	Trong đó: - Tôm...	"	9.030		362	6.808	75,40%	#DIV/0!
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	22.740	33.000	1.991	23.228	102,15%	70,39%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	Tấn	<b>12.337</b>	<b>14.500</b>	<b>851</b>	<b>9.006</b>	<b>73,00%</b>	<b>62,11%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	5.553	6.800	357	4.073	73,34%	59,89%
	- Tôm các loại	"	4.085	4.700	307	3.251	79,57%	69,17%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	2.698	3.000	188	1.683	62,37%	56,10%